

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG  
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM

TÓM TẮT

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN  
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

THÁNG 12, NĂM 2018

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	4
<b>1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM</b> .....	4
<b>2.SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG</b> .....	4
<b>Chương 1</b> .....	4
<b>CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN</b> .....	4
<b>I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC</b> .....	4
1. Các văn bản Trung ương .....	4
2. Các văn bản địa phương .....	4
<b>II. CÁC CAM KẾT VÀ HƯỚNG DẪN QUỐC TẾ</b> .....	4
<b>III. TÀI LIỆU VÀ SỐ LIỆU SỬ DỤNG</b> .....	5
<b>ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẢO LÂM</b> .....	5
<b>I. THÔNG TIN CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẢO LÂM</b> .....	5
1. Khái quát lịch sử hình thành công ty .....	5
2. Cơ cấu tổ chức của bộ máy của công ty hiện nay .....	5
<b>II. VỊ TRÍ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG</b> .....	6
1. Vị trí địa lý .....	6
2. Đặc điểm tự nhiên .....	6
2.1. Địa hình .....	6
2.2. Khí hậu .....	7
2.3. Thủy văn .....	7
2.4. Đặc điểm về đất đai .....	7
<b>III. ĐA DẠNG SINH HỌC</b> .....	7
<b>1. Đa dạng hệ thực vật</b> .....	7
1.1 Rừng tự nhiên .....	7
1.2 Rừng trồng .....	7
<b>2. Đa dạng hệ động vật rừng</b> .....	8
<b>IV. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI</b> .....	8
1. Dân số, dân tộc và lao động .....	8
2. Đặc điểm kinh tế xã hội .....	8
<b>V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG</b> .....	9
<b>VI. TÀI NGUYÊN RỪNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM</b> .....	9
1. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp .....	9
2. Trữ lượng rừng .....	9
3. Đặc điểm và sự phân bố các trạng thái rừng .....	9
3.1. Rừng tự nhiên .....	9
3.2. Rừng trồng .....	10
<b>Chương 3</b> .....	10
<b>MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN</b> .....	10

<b>I. MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN.....</b>	<b>10</b>
1. Mục tiêu chung.....	10
2. Mục tiêu cụ thể .....	10
2.1. Mục tiêu kinh tế - kỹ thuật.....	10
2.2. Mục tiêu xã hội .....	11
2.3. Mục tiêu môi trường .....	11
<b>II. PHÂN LOẠI RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO.....</b>	<b>11</b>
1. Vùng có giá trị bảo tồn cao .....	11
2. Loài cần được lưu ý bảo vệ.....	12
3. Vùng kinh doanh rừng .....	12
3.1. Khu vực khai thác gỗ hạn chế .....	12
3.2 Khu vực sản xuất gỗ.....	12
<b>III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG BỀN VỮNG .....</b>	<b>12</b>
1. Kế hoạch sử dụng đất đai.....	12
2. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và rừng có giá trị bảo tồn cao.....	12
3. Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng .....	14
4. Kế hoạch nuôi dưỡng tỉa thưa rừng trồng.....	14
5. Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ .....	14
6. Kế hoạch trồng rừng .....	15
7. Chế biến lâm sản.....	16
8. Kế hoạch xây dựng bổ sung cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản cho công ty.....	16
9. Kế hoạch cung cấp dịch vụ môi trường rừng.....	16
10. Kế hoạch lâm nghiệp cộng đồng .....	16
11. Kế hoạch bảo vệ môi trường và giám sát.....	17
<b>IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN .....</b>	<b>18</b>
1. Giải pháp về công tác quản lý .....	18
2. Giải pháp về quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị .....	19
2.1. Đơn vị chủ rừng.....	19
2.2. Các hộ nhận khoán BVR .....	19
2.3. Đối với chính quyền địa phương .....	20
3. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	20
4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực .....	20
5. Giải pháp về tài chính và tín dụng.....	20
<b>V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN.....</b>	<b>21</b>
1. Hiệu quả kinh tế.....	21
2. Hiệu quả xã hội - môi trường .....	21
2.1. Về xã hội:.....	21
2.2. Về môi trường.....	21
<b>III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>21</b>
1. Kết luận .....	21
2. Một số kiến nghị .....	22

## MỞ ĐẦU

### 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM

Công ty Lâm nghiệp Bảo Lâm tiền thân là Lâm trường Bảo Lâm được thành lập theo Quyết định số 3645/1998/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 1998. Thực hiện nghị định 118/2014/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ, công ty đã được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Diện tích do công ty quản lý là 18.933,61 ha, diện tích có rừng của công ty là 18.599,27 ha chiếm 98,23% diện tích tự nhiên; rừng tự nhiên là 16.119,9 ha trong đó rừng phòng hộ là 3.844,93 ha, rừng sản xuất là 12.274,97 ha, rừng trồng (bao gồm cả rừng trồng chưa có trữ lượng) 2.024,08 ha, đất chưa có rừng 141,54 ha, đất nông nghiệp 126,38 ha, đất sông suối, ao hồ và đất khác 66,43 ha.

### 2. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Tiếp cận quản lý rừng theo hướng được cấp chứng chỉ rừng của FSC thì cần có một phương án chỉ ra một kế hoạch và giải pháp để quản lý rừng toàn diện, lâu dài bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Hơn nữa để đáp ứng yêu cầu của Bộ NN và PTNT và UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện chiến lược quản lý rừng bền vững quốc gia và của tỉnh, việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của công ty là yêu cầu cần thiết cả đối với công ty và đối với chiến lược phát triển lâm nghiệp của tỉnh Lâm Đồng và góp phần thực hiện chiến lược quản lý rừng bền vững của quốc gia.

## Chương 1

### CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

#### I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

##### 1. Các văn bản Trung ương

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15/11/2017;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 13, ngày 23/6/2014;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;
- Các quyết định của Thủ tướng chính phủ và của Bộ NN& PTNT về lâm nghiệp và quản lý rừng, và hướng dẫn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.

##### 2. Các văn bản địa phương

- Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng “Chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Bảo Lâm thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bảo Lâm”;
- Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm.

- Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND Tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt giá trị tài sản để thực hiện giao vốn cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm;

.....

#### II. CÁC CAM KẾT VÀ HƯỚNG DẪN QUỐC TẾ

- Công ước CITES (1975)
- Các công ước về lao động quốc tế ILO

- Hiệp định về đa dạng sinh học (1992)
- Thỏa thuận về gỗ nhiệt đới thế giới ITTA
- Quy định của ILO về An toàn và sức khỏe trong các hoạt động lâm nghiệp
- Quy định của FSC

### III. TÀI LIỆU VÀ SỐ LIỆU SỬ DỤNG

- Các loại bản đồ: hiện trạng rừng, quy hoạch 3 loại rừng
- + Các bản đồ chuyên đề như: bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ hoạt động lâm nghiệp, bản đồ HCVF, bản đồ các hệ sinh thái dễ bị tổn thương, bản đồ hành lang ven sông suối,...
- Số liệu kết quả kiểm kê rừng năm 2014 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt, niên giám thống kê 2016 của tỉnh Lâm Đồng và huyện Bảo Lâm; kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm gần nhất và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, tài chính 5 năm 2015-2020 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm.....
- Các chuyên đề điều tra tại công ty: chuyên đề điều tra rừng trồng; chuyên đề điều tra rừng tự nhiên; Chuyên đề thực vật rừng; Chuyên đề động vật rừng; Chuyên đề đánh giá tác động môi trường; Chuyên đề xác định rừng có giá trị bảo tồn cao; Chuyên đề phân vùng chức năng rừng; Chuyên đề không chuyên đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng sau năm 1994; Chuyên đề đánh giá tác động xã hội.....

## Chương 2

### ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẢO LÂM

#### I. THÔNG TIN CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẢO LÂM

##### 1. Khái quát lịch sử hình thành công ty

**Tên công ty:** CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM.

- Địa chỉ văn phòng: Tổ 16 (khu 4 cũ) - thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Điện thoại: 063.3877113 – 3877115

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm nằm trong địa giới hành chính huyện Bảo Lâm thuộc các xã: Lộc Lâm, B'lá, Lộc Phú, Lộc Quảng và Thị trấn Lộc Thắng. Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm tiền thân là Lâm trường Bảo Lâm được thành lập theo Quyết định số 3645/1998/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 1998 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Thành lập doanh nghiệp nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh Lâm trường Bảo Lâm. Ngày ngày 30 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định số 1406/QĐ-UBND “Chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Bảo Lâm thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bảo Lâm”.

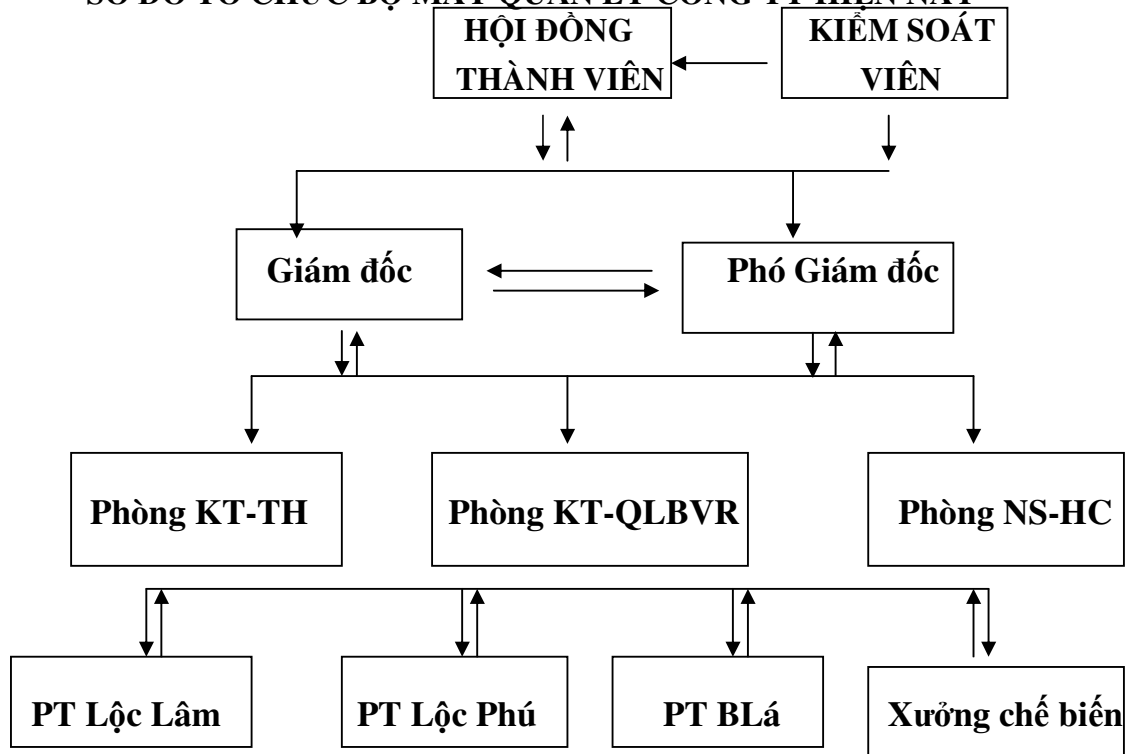
##### 2. Cơ cấu tổ chức của bộ máy của công ty hiện nay

Cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám Đốc và Kiểm soát viên. Đến tháng 8/2017, tổng số lao động hiện có của Công ty: 86 người, trong đó:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên: 01 người;
- Ban giám đốc: 02 người, bao gồm 01 Giám đốc và 01 phó Giám đốc;
- Phòng kinh tế tổng hợp: 05 người bao gồm: 01 trưởng phòng phụ trách chung, 01 phó phòng phụ trách kế toán, 03 kế toán viên trong đó có 01 kế toán kiểm kiểm soát viên;
- Phòng kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng: 05 người gồm: 01 trưởng phòng phụ trách chung, 02 phó phòng phụ trách các lĩnh vực giao khoán - quản lý bảo vệ - lâm sinh, 02 nhân viên;

- Phòng nhân sự và hành chính: 03 người gồm; 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên lái xe và 01 bảo vệ;
- Phân trường Lộc Lâm: 08 người gồm: 01 phân trường trưởng, 01 phân trường phó và 06 tiểu khu trưởng;
- Phân trường Lộc Phú: 04 người gồm: 01 phân trường trưởng, 01 phân trường phó và 02 tiểu khu trưởng;
- Phân trường BLá: 04 người gồm: 01 phân trường trưởng và 03 tiểu khu trưởng;
- Xưởng chế biến: 54 người gồm: 01 quản đốc xưởng, 02 phó quản đốc xưởng, 01 kỹ thuật chế biến, 02 kế toán, 01 nhân viên bảo vệ và 47 công nhân

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY HIỆN NAY**



**II. VỊ TRÍ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THUYẾT VẤN VÀ THỔ NHƯỠNG**

**1. Vị trí địa lý**

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm nằm trong địa giới hành chính huyện Bảo Lâm thuộc các xã: Lộc Lâm, B'lá, Lộc Phú, Lộc Quảng và Thị trấn Lộc Thắng.

-Tọa độ địa lý:

+ Từ 11<sup>0</sup> 52' 30" vĩ độ Bắc đến 11<sup>0</sup> 38' 02" vĩ độ Nam.

+ Từ 107<sup>0</sup> 50' 08" kinh độ Đông đến 107<sup>0</sup> 42' 30" kinh độ Tây.

- Vị trí:

Phía Bắc giáp sông Đồng Nai.

Phía Nam giáp thị trấn Lộc Thắng.

Phía Đông giáp xã Lộc Ngãi, Lộc Phú.

Phía Tây giáp xã Lộc Quảng, Lộc Bắc.

Nằm cách Trung tâm thành phố Bảo Lộc khoảng 20 km về hướng bắc.

**2. Đặc điểm tự nhiên**

**2.1. Địa hình**

Địa hình Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm thuộc Nam cao nguyên Lâm Đồng, nên có đặc điểm địa hình cao nguyên. Khu vực trung tâm và phía Nam là hệ thống dãy đồi, núi liền nhau. Khu vực phía Bắc và Tây bắc địa hình chia cắt mạnh, dạng đồi núi dốc hiểm trở.

- Độ dốc: Trung bình  $25^{\circ}$ ; cao nhất  $45^{\circ}$ .

- Độ cao so với mặt nước biển: độ cao cao nhất: 1.380 m, độ cao thấp nhất 425 m, độ cao trung bình: 902 m

## **2.2. Khí hậu**

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới mưa mùa, một năm có 2 mùa rõ rệt.

- Mùa mưa: Từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm.

- Mùa khô: Từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau.

Tổng lượng mưa bình quân/năm: 3.300 mm.

Độ ẩm không khí bình quân/năm: Khoảng 82%.

## **2.3. Thủy văn**

+ Lượng mưa bình quân năm: 3.300 mm. Mưa tập trung nhiều nhất vào các tháng 7, 8 và 9 hàng năm.

+ Có hai mùa: mùa mưa và mùa khô.

+ Mùa mưa có 06 tháng và bắt đầu từ tháng 04 năm trước đến tháng 10 năm sau, lượng mưa vào mùa mưa: 2.300mm

+ Mùa khô có 06 tháng và bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 04 năm sau, lượng mưa vào mùa khô: hầu như không có mưa khoảng 30 mm.

## **2.4. Đặc điểm về đất đai**

Đất đai thuộc Công ty quản lý có đặc điểm chung là đất Feralit thuộc nhóm đất Bôxít có độ PH khá lớn, do địa hình dốc nên bị xói mòn mạnh vào mùa mưa. Có thể chia ra thành các nhóm sau:

- Nhóm Feralit nâu đỏ phát triển trên đá mẹ Bazan với thành phần cơ giới thịt nhẹ, kết cấu viên toi xốp, thành phần cơ giới: sét nhẹ, tầng đất dày phù hợp cho việc gây trồng cây lâm – nông nghiệp.

- Nhóm Feralit xám phát triển trên đá cuội kết, trong thành phần của đất có pha cát, khả năng giữ nước kém, mùa khô dễ bị mất nước, mùa mưa đất bị rửa trôi và xói mòn mạnh. Nhìn chung loại đất này nghèo dinh dưỡng.

- Nhóm Feralit vàng đỏ – vàng nhạt phát triển trên phiến thạch sét, tầng đất mỏng, thành phần cơ giới thịt nhẹ, khả năng giữ nước kém, nghèo dinh dưỡng.

- Nhóm đất phù sa sông suối, thường phân bố dọc theo sông suối, thung lũng với diện tích nhỏ. Loại đất này phù hợp cho việc trồng cây công nghiệp, hoa màu.

- Thành phần cơ giới của đất thuộc loại thịt nhẹ, thịt pha cát hoặc sét nhẹ.

- Độ PH từ 4-5 (đất hơi chua). Nhìn chung theo định chuẩn xác định cấp đất thuộc cấp II, phù hợp với sinh trưởng của các loài cây lá kim và cây lá rộng núi cao đến trung bình.

## **III. ĐA DẠNG SINH HỌC**

### **1. Đa dạng hệ thực vật**

#### **1.1. Rừng tự nhiên**

Kết quả điều tra tại rừng tự nhiên thuộc 03 khu vực chính: Xã B'lá, xã Lộc Phú, Xã Lộc Lâm đã xây dựng được danh lục thực vật rừng tự nhiên của Công ty Lâm nghiệp Bảo Lâm gồm 82 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 49 họ, 25 bộ. Trong 82 loài đã được ghi nhận có 01 loài gỗ quý đó là loài Thông tre (*Podocarpus Neriifolius*) thuộc họ Kim giao, bộ Thông Pinales, ở tình trạng bảo tồn LC (ít lo ngại)

Trong tổng số 82 loài cây gỗ của rừng tự nhiên có 43 loài có thể kinh doanh gỗ lớn và 29 loài có thể kinh doanh gỗ vừa thích hợp cho việc bóc, xẻ ván cấp pha và gỗ ghép thanh đáp ứng yêu cầu kinh doanh gỗ lớn, gỗ vừa có giá trị thương phẩm cao trên thị trường quốc tế.

## 1.2. Rừng trồng

Thành phần cây trồng rừng chính là Thông ba lá và cây Keo tai tượng, ngoài ra xen lẫn trong rừng trồng một số loài cây bụi. Theo kết quả điều tra cập nhật năm 2017, không có loài thực vật nào ở khu vực rừng thuộc nhóm loài quý hiếm cần bảo vệ theo các danh mục quốc tế và của Việt Nam

Trong năm 2018 đã trồng thử nghiệm 2,07ha Thông Caribê mục tiêu đa dạng hóa loài cây trồng trên diện tích trồng rừng, lựa chọn loài cây trồng sinh trưởng nhanh, chu kỳ kinh doanh ngắn, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu rủi ro tiềm tàng do biến đổi khí hậu, tránh phụ thuộc vào một loại lâm sản rừng trồng duy nhất.

## 2. Đa dạng hệ động vật rừng

Tổng hợp kết quả điều tra qua phỏng vấn người dân, điều tra ngoài thực địa của chúng tôi và tham khảo có chọn lọc các công trình nghiên cứu tại địa phương đã được công bố, ghi nhận được 33 loài động vật có xương sống, thuộc 28 họ; 13 bộ (Bảng 1). Trong đó, thú có 8 loài, Chim có 18 loài, Bò sát có 4 loài và 3 loàiẾch nhái. Trong số 33 động vật ghi nhận, có 33 loài ghi nhận từ phỏng vấn thợ săn, và chỉ có 21 loài phát hiện trực tiếp (nhìn thấy hoặc thấy dấu vết) từ điều tra theo tuyến.

Kết quả tham vấn người dân địa phương 3 xã từ tháng 6 - 7/2017 và qua khảo sát thực địa trên 16 ô tiêu chuẩn tại rừng tự nhiên cho thấy trong khu vực hiện không còn tồn tại các loài nguy cấp, quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen theo quy định của CITES, IUCN và trong SĐVN, 2006. Hiện mới phát hiện còn 02 loài nằm trong danh mục của Nghị định 32/CP-2006 ở mức IIB (mức hạn chế khai thác và sử dụng) và trạng thái bảo tồn LC (ít lo ngại), cụ thể là các loài: Cheo cheo (*Tragulus javanicus*) và Cú mèo (*Cú mèo Strigidae*). So với các quy định của FSC và hướng dẫn HCVF của WWF, trong lâm phận của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm không hình thành các loại HCVF1, HCVF2, HCVF 3.

## IV. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

### 1. Dân số, dân tộc và lao động

Thuộc phạm vi khu vực Công ty quản lý gồm 4 xã/thị trấn: Lộc Lâm, Lộc Phú, BLá và thị trấn Lộc Thắng.

\* **Dân số:** tổng số dân số năm 2016 trong vùng là 53.418 người/13.163; mật độ dân số bình quân 63 người/km<sup>2</sup>.

**Bảng 3. Diện tích, dân số theo đơn vị hành chính**

TT	Địa phương (xã)	Số thôn	Số hộ	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Mật độ dân số (người / km <sup>2</sup> )
1	Lộc Lâm	3	658	135,43	2453	18
2	Lộc Phú	6	829	125,65	3224	26
3	B Lá	5	799	80,78	3189	39
4	Thị trấn Lộc Thắng	24	4.468	80,27	19.215	239
Tổng cộng		38	6.754	422,13	28.081	66



## 2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Nhìn chung nguồn thu nhập chính của phần lớn hộ dân trong khu vực là từ sản xuất nông nghiệp; bên cạnh đó từ các chương trình dự án, giao khoán QLBR, các công trình sản xuất Lâm nghiệp đã tạo thêm nguồn thu nhập ổn định cho bà con, từ đó đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ đói, nghèo.

### **Bảng 5. Thống kê số hộ nghèo các xã**

(thống kê trên toàn Xã và Thị trấn bao gồm các tổ dân phố và thôn không liên quan trực tiếp đến lâm phần công ty quản lý)

TT	Địa phương (xã)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo	Tỷ lệ %	Số hộ ĐB DT nghèo	Tỷ lệ %
1	Lộc Lâm	658	55	8,35	51	7,8
2	Lộc Phú	829	36	4,34	28	3,4
3	BLá	799	53	6,63	53	6,63
4	TT Lộc Thắng	4.468	71	1,58	57	1,3

## V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Diện tích rừng của Công ty thực hiện CTDVMTR nằm trong hệ thống lưu vực sông Đồng Nai. Công ty hưởng lợi dịch vụ môi trường rừng từ Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng từ năm 2011. Tổng diện tích khoán BVR được chi trả DVMTR năm 2017 là 17.914,3 ha. Tổng số hộ nhận khoán BVR được chi trả tiền DVMTR năm 2017 là: 948 hộ thuộc 53 tổ nhận khoán, trong đó: Người kinh: 220 hộ và Người dân tộc: 728 hộ;

## VII. TÀI NGUYÊN RỪNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM

### 1. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp

Theo kết quả kiểm kê rừng năm 2017 và quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND Tỉnh Lâm đồng về phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV LN Bảo lâm, tổng diện tích tự nhiên công ty quản lý là: 18.933,61 ha, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ là 3.952,63 ha (trong đó RTN: 3.844,93 ha, rừng trồng: 76,09 ha);

- Đất rừng sản xuất là 14.980,99 ha, trong đó: đất có rừng là 14.678,25 ha (rừng tự nhiên: 12.274,97 ha, rừng trồng: 2403,28 ha).

### 2. Trữ lượng rừng

\* Tổng trữ lượng gỗ: 1.849.841 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Trữ lượng rừng tự nhiên: 1.544.615 m<sup>3</sup>.

- Trữ lượng rừng trồng: 305.255 m<sup>3</sup>.

\* Tổng số cây Lô ô: 32.966.000 cây.

### 3. Đặc điểm và sự phân bố các trạng thái rừng

#### 3.1. Rừng tự nhiên

##### 3.1.1. Rừng gỗ lá rộng thường xanh

- Rừng trung bình (TXB) có diện tích rừng trung bình 1.557,97 ha, tổng trữ lượng là 240.706 m<sup>3</sup>, trữ lượng bình quân đạt 154 m<sup>3</sup>/ha.

- Rừng nghèo (TXN): Rừng nghèo có diện tích là 388,74 ha, tổng trữ lượng là 30.360 m<sup>3</sup>, Trữ lượng rừng bình quân 78,1 m<sup>3</sup>/ha.

- Rừng phục hồi (TXP) có diện tích 931,23 ha, tổng trữ lượng là 63.230 m<sup>3</sup>, trữ lượng bình quân trung bình 68 m<sup>3</sup>/ha.

3.1.2. *Rừng lá kim*: Đây là rừng Thông 3 lá tập trung trên 10 tiểu khu.

+ Đối với rừng trung bình có diện tích 129,15 ha đây là loại rừng đã đến tuổi thành thục sinh học, rừng trong giai đoạn phát triển ổn định có trữ lượng bình quân 147,7 m<sup>3</sup>/ha.

+ Đối với rừng nghèo, rừng phục hồi là đặc trưng của kiểu rừng này là có thông rải rác và kiểu rừng Thông trung niên nhỏ, vừa. Có trữ lượng bình quân 60,5 m<sup>3</sup>/ha. Trong đó diện tích rừng nghèo 28,83 ha, rừng phục hồi 13,56 ha.

3.1.3. *Rừng lá rộng + lá kim*

Loại rừng hỗn giao lá rộng là loài cây Dẻ, Trâm, Côm, Chò,... và Thông 3 lá được tập trung trên 20 tiểu khu.

+ Đối với rừng giàu và trung bình là diện tích rừng đã bị tác động ở mức độ thấp, không đáng kể. Trong đó: rừng giàu có diện tích 102,74 ha, có trữ lượng 23.198 m<sup>3</sup>, trữ lượng trung bình 225,8 m<sup>3</sup>/ha; rừng trung bình có diện tích 2.522,44 ha, có trữ lượng 372.564 m<sup>3</sup>, trữ lượng trung bình 147,7 m<sup>3</sup>/ha.

+ Đối với rừng nghèo là diện tích rừng đã bị tác động của con người, rừng qua quá trình khai thác trước đây, có diện tích 379,09 ha, có trữ lượng 33.739 m<sup>3</sup>, trữ lượng trung bình 89 m<sup>3</sup>/ha.

+ Đối với rừng phục hồi, có diện tích 169,11 ha, có trữ lượng 11.482m<sup>3</sup>, trữ lượng trung bình 67,9 m<sup>3</sup>/ha.

3.1.4. *Rừng hỗn giao gỗ tre nửa lồ ô*

- Rừng hỗn giao gỗ - tre nửa, lồ ô: Có diện tích 7.354,51 ha phân bố tại 17 tiểu khu, trữ lượng gỗ là 611.159,78 m<sup>3</sup>, trữ lượng gỗ bình quân trung bình 83,1 m<sup>3</sup>/ha; theo thống kê trong rừng hỗn giao có khoảng trên 22.063.500 cây lồ ô.

- Rừng hỗn giao lồ ô - gỗ: Có diện tích 2.542,53 ha phân bố tại 11 tiểu khu, theo thống kê trong rừng hỗn giao có khoảng 10.932.900 cây lồ ô, trữ lượng gỗ là 136.533 m<sup>3</sup>, trữ lượng gỗ bình quân trung bình 53,7 m<sup>3</sup>/ha;

3.2. *Rừng trồng*

Tổng diện tích rừng trồng các loại của công ty là 2.479,37 ha (Rừng sản xuất 2.403,28ha và phòng hộ là 76,09ha), trong đó Rừng trồng thông ba lá và keo tai tượng do công ty trồng từ 1979-2017 xin cấp chứng chỉ là: 1.947,99 ha. Sản lượng gỗ bình quân 153 m<sup>3</sup>/ha tại bãi 1.

Diện tích rừng trồng đã được cấp chứng chỉ trong năm 2018 là 1.947,99ha, Công ty đăng ký bổ sung xin cấp chứng chỉ diện tích 76,09ha rừng trồng trên đối tượng rừng phòng hộ trong năm 2019

## Chương 3

### MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

#### I. MỤC TIÊU CỦA PHƯƠNG ÁN

##### 1. Mục tiêu chung

Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bảo Lâm thực hiện dựa trên các nguyên tắc quản lý rừng bền vững của Việt Nam ban hành kèm theo thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Công ty cam kết thực hiện quản lý rừng bền vững toàn bộ diện tích lâm phần (gồm cả diện tích không thuộc phạm vi xin chứng chỉ như diện tích rừng tự nhiên) dài hạn ít nhất một chu kỳ kinh doanh 35 năm cả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường tuân theo 10 nguyên tắc của FSC.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.1. Mục tiêu kinh tế - kỹ thuật

\* Sản lượng lâm sản ngoài gỗ khai thác hàng năm từ rừng tự nhiên và gỗ từ

rừng trồng ổn định suốt luân kỳ rừng tự nhiên và chu kỳ rừng trồng thông 3 lá:

- Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng hàng năm là 6.263,7 m<sup>3</sup>.
- Tỉa thưa nuôi dưỡng rừng hàng năm là trên 125 ha, sản lượng gỗ tận thu mỗi năm là trên 1.280 m<sup>3</sup>.
- Sản lượng khai thác lồ ô là 100.000 cây/năm.
- \* Khối lượng và sản phẩm chế biến hàng năm:
  - Giai đoạn 2016-2020 chế biến 8.054 m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm.
  - Giai đoạn 2021-2050 chế biến 7.367 m<sup>3</sup> gỗ tròn/năm.

## 2.2. Mục tiêu xã hội

- Tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương vào các hoạt động lâm nghiệp (QLBVR, PCCCR, trồng & chăm sóc rừng trồng, nuôi dưỡng rừng, khai thác tận thu lâm sản...) hàng năm > 1.000 lao động, thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/năm.
- Tổ chức giao khoán QLBVR bằng nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng với tổng diện tích > 18.000 ha/năm cho hơn 900 hộ dân sống gần rừng.
- Đào tạo công nhân và cộng đồng dân cư về chuyên môn quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, nuôi dưỡng rừng, khai thác rừng;

## 2.3. Mục tiêu môi trường

- Bảo vệ bằng được diện tích rừng hiện có, đưa các loại đất vào sử dụng có hiệu quả, bảo vệ và phát huy chức năng phòng hộ của rừng, thường xuyên bảo vệ và không ngừng nâng cao độ che phủ của rừng góp phần cải thiện khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất.
- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, và hệ sinh thái hiện có trong lâm phần

# II. PHÂN LOẠI RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

## 1. Vùng có giá trị bảo tồn cao

Kết quả khảo sát, đánh giá đa dạng sinh học tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm đã xác định được các giá trị bảo tồn cao bao gồm: HCV4 (Rừng có giá trị bảo vệ nguồn nước, phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn); HCV5 (Rừng cung cấp các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương); HCV6 (Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương) với tổng diện tích 5.556,20 ha.

**Bảng 15. Tổng hợp diện tích HCVF 4, 5, 6 của Công ty**

Hạng mục	Loại HCVF	Địa điểm (xã/tiểu khu/thôn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	HCVF 4			
1.1	HCVF 4.1	403, 405, 378, 379, 380, 381, 382, 385, 383, 407, 408	3.362,94	Rừng phòng hộ và rừng cung cấp nước sinh hoạt cho người dân sử dụng
1.2	HCVF 4.2	Lộc Lâm, Lộc Phú, B'Lá	1.358,08	Bảo vệ hành lang sông suối. Độ dốc $\geq 35^0$
II	HCVF 5			
2.1	HCVF 5.1	Lộc Lâm, Lộc Phú, B'Lá	767,1	Khu vực rau, nhiên liệu
III	HCVF 6			

3.1	HCVF 6.1	Lộc Lâm, Lộc Phú, B'Lá	68,08	Nghĩa địa, rừng già
<b>Tổng cộng:</b>			<b>5.556,20</b>	

## 2. Loài cần được lưu ý bảo vệ

Theo kết quả điều tra có 1 loài thực vật và 02 loài động vật là Thông tre, Cheo cheo và Cú mèo nằm trong danh mục nghị định 32 ở khu vực vùng lõi ATK thuộc vùng rừng tự nhiên, loài này được đánh dấu để theo dõi giám sát. Không tiến hành bất cứ hoạt động tác động nào trong khu vực (vùng ATK không được vào và Chính phủ cấm khai thác rừng tự nhiên

## 3. Vùng kinh doanh rừng

### 3.1. Khu vực khai thác gỗ hạn chế :

Khu vực khai thác gỗ hạn chế trong lâm phần của công ty thuộc các diện tích đất rừng có độ dốc từ 25 – 35<sup>0</sup> và khu vực rừng trồng phòng hộ với tổng diện tích: 184,79 ha trong đó: rừng trồng phòng hộ là 76,09 ha và khu vực đất rừng có độ dốc từ 25 – 35<sup>0</sup> là 108,70 ha.

Đối với khu vực rừng trồng phòng hộ, công ty không tiến hành hoạt động khai thác nhằm đảm bảo tốt nhất chức năng phòng hộ của rừng.

Trong diện tích đất rừng có độ dốc từ 25 – 35<sup>0</sup>, đối với diện tích có rừng tự nhiên, công ty bảo vệ không thực hiện bất kỳ hoạt động khai thác nào. Đối với diện tích có rừng trồng, công ty thực hiện khai thác hạn chế theo phương pháp khai thác tác động thấp.

### 3.2. Khu vực sản xuất gỗ

Khu vực sản xuất gỗ được tổ chức mọi hoạt động quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng và sử dụng rừng theo kế hoạch sản xuất của đơn vị. Khu vực này là toàn bộ diện tích rừng trồng là rừng sản xuất, đất có rừng trồng chưa thành rừng và diện tích đất trống sau khai thác rừng trồng của Công ty quản lý. Diện tích là 1.947,99 ha.

## III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG BỀN VỮNG

### 1. Kế hoạch sử dụng đất đai

Theo Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm, Phương án sử dụng đất của Công ty được thể hiện như sau:

Tổng diện tích đất của Công ty: 18.933,61 ha trong đó, rừng tự nhiên (16.119,89 ha); rừng trồng (2.479,37 ha); đất trống (141,54 ha); đất nông nghiệp (126,38 ha); đất khác (53,36 ha); mặt nước (13,07 ha). Trong đó: diện tích đất Công ty quy hoạch bảo vệ: 16.195,98 ha và diện tích đất Công ty quy hoạch sản xuất kinh doanh: 2.737,63 ha.

### 2. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và rừng có giá trị bảo tồn cao

- Mục tiêu: Bảo vệ rừng là nhiệm vụ rất quan trọng nhằm duy trì độ che phủ rừng, nâng cao chất lượng rừng, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, xóa đói giảm nghèo.

Bảo vệ 16.119,9 ha rừng tự nhiên và 1.947,99 ha rừng trồng gỗ sản xuất và 76,09 ha rừng trồng phòng hộ bằng nguồn vốn DVMTR.

- Đối tượng: Là rừng tự nhiên và rừng trồng thuộc rừng sản xuất và rừng phòng hộ do công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm quản lý.

- Quy mô diện tích: 18.220,07 ha
- Nguồn vốn chi cho công tác khoán bảo vệ rừng do dịch môi trường rừng chi trả thông qua Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng
- Giải pháp bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học trong quá trình kinh doanh rừng trên địa bàn như sau:
  - + Bảo vệ nghiêm ngặt, chống những tác động nguy hại của con người vào rừng như; chặt phá, xâm hại, khai thác động thực vật rừng trái phép, phòng chống cháy rừng, bảo vệ và phát triển tính đa dạng sinh học của rừng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác quản lý bảo vệ rừng.
  - + Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công nhân công ty, cán bộ địa phương, già làng, trưởng thôn, hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng nắm bắt, hiểu biết về đa dạng sinh học và bảo tồn giá trị cao (HCV); các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý HCV. Xây dựng các quy định rõ ràng về việc quản lý rừng tự nhiên ven suối để bảo vệ nguồn nước.
  - + Tiến hành tổ chức giao khoán đến tiểu khu rừng cho các Phân trường bảo vệ rừng của Công ty và những hộ dân địa phương sống liền kề, gần rừng để bảo vệ. (Dự kiến giao khoán QLBV cho trên 900 hộ dân với diện tích 19.000 ha ( trong đó có hơn 2000ha là rừng trồng liên doanh liên kết với Tập đoàn Giấy Tân Mai không có trong diện tích sử dụng đất của Công ty nhưng Tập đoàn Giấy Tân Mai vẫn thống nhất tiếp tục giao khoán cho các hộ dân đang nhận khoán và thông qua Công ty TNHH MTV LN Bảo lâm để quản lý và chi trả ), số hộ dân nhận khoán có thể thay đổi do tách khẩu và chuyển ra khỏi địa phương theo từng năm).
  - + Thường xuyên phối hợp và tổ chức tuần tra, phân công lực lượng trực canh gác tại các trạm QLBV, các điểm nóng, ngăn chặn các hành vi khai thác lâm sản và săn bắt, vận chuyển động vật hoang dã bất hợp pháp, báo cáo, xử lý kịp thời các trường hợp xâm phạm trái phép gây ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.
  - + Xây dựng các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng. Hàng năm Công ty cùng với chính quyền địa phương thành lập các ban chỉ huy PCCCR, tổ PCCCR nghĩa vụ ở cơ sở, xây dựng kế hoạch PCCCR, xây dựng các biển báo cháy rừng; thành lập các lực lượng tham gia với chính quyền địa phương phòng cháy chữa cháy rừng (sử dụng tổ bảo vệ rừng của Công ty và hộ dân nhận khoán).
  - + Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm đưa nội dung HCVF4, HCVF5, HCVF6 và sinh cảnh dễ bị tổn thương vào quy trình quản lý bảo vệ rừng và quy trình quản lý bảo vệ các khu vực đặc biệt của cộng đồng. Thực hiện theo nội dung các quy trình: Kiểm tra quản lý bảo vệ rừng và PCCCR; Bảo vệ các khu vực đặc biệt cộng đồng. Lồng ghép vào các cuộc họp tổ nhận khoán DVMTR hàng tháng để thông báo, tuyên truyền cho người dân biết nhằm tăng cường công tác quản lý bảo vệ. Đồng thời đưa vào nội dung tham vấn các bên liên quan trong quá trình thực hiện FSC<sup>TM</sup> trong đó đặc biệt là tham vấn các cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số có liên quan đến HCVF4, HCVF5, HCVF6. Thực hiện theo nội dung quy trình: Tham vấn các bên liên quan (có lưu ý đến việc tiếp tục tham vấn các nhà khoa học khi có những phát hiện đối với các loài cây và động vật rừng thuộc nhóm có nguy cơ và bị đe dọa theo CITES quy định).

+ Làm bảng biên thông báo khu vực rừng HCVF4, HCVF5, HCVF6 và vùng sinh cảnh dễ bị tổn thương tại các vị trí hiện hữu.

- Đối với cây Thông tre được xếp loại ở mức độ bảo tồn của Việt nam và Quốc tế là LC (Ít lo ngại) và phân bố rất rải rác trong khu vực rừng tự nhiên tuy không hình thành HCVF1,2,3, công ty sẽ theo dõi giám sát và định vị vị trí xuất hiện loài này trên bản đồ (nhưng bí mật không công bố để tránh sự chú ý của lâm tặc).

### **3. Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng**

Đối tượng: Diện tích đưa vào khai thác là rừng sản xuất, đối với rừng trồng thông toàn luân kỳ 35 năm là 1.947,99 ha, mỗi năm khai thác bình quân 40 ha với sản lượng dự kiến bình quân đạt 153 m<sup>3</sup>/ha thì mỗi năm sản lượng khai thác là 40 ha x 153m<sup>3</sup>/ha = 6.120 m<sup>3</sup>/năm, với sản lượng này đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ, toàn bộ sản phẩm chủ yếu đưa và chế biến để nâng cao giá trị. Sau khai thác trồng lại rừng thông 3 lá và duy trì ổn định diện tích này trong toàn luân kỳ.

- Đối với rừng trồng các loài keo là 92,5 ha, chu kỳ kinh doanh là 8 năm, với diện tích rừng trồng hiện có đến năm 2016 Công ty bắt đầu khai thác và tiến hành trồng lại rừng bằng loài cây thông ba lá để ổn định sản lượng cho chu kỳ sau.

*Phương thức khai thác là khai thác trắng theo diện tích nhỏ từ 5 – 10ha, tránh tạo ra các vùng đất trống có diện tích lớn. Khai thác bằng cưa xăng và vận xuất bằng bánh hơi, áp dụng theo phương thức khai thác tác động thấp (RIL).*

### **4. Kế hoạch nuôi dưỡng tía thưa rừng trồng**

Áp dụng Quy phạm kỹ thuật tía thưa rừng trồng Thông 3 lá rừng trồng thuần loại ban hành kèm theo QĐ số 2382/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/5/2001 của Bộ nông nghiệp và PTNT.

#### *a. Đối tượng*

Đối tượng được nuôi dưỡng là toàn bộ diện tích rừng trồng Thông ba lá của công ty lâm nghiệp Bảo Lâm sau khi kết thúc giai đoạn chăm sóc.

*b. Số lần tía thưa và mật độ để lại:* 3 lần để lại mật độ cuối cùng là bình quân 350 cây/ha.

#### *c. Quy mô diện tích, vị trí và tiến độ thực hiện*

Diện tích đưa vào thiết kế nuôi dưỡng tía thưa cho cả chu kỳ dự án là 4.380,67 ha, bình quân diện tích nuôi dưỡng tía thưa cho 1 năm là 125,16 ha.

Sản lượng gỗ tía thưa bình quân/ha: Theo kết quả thực tế tía thưa trong 4 năm gần đây (2011-2015) sản lượng gỗ tía thưa đối với rừng có tận dụng sản phẩm bình quân là 15 m<sup>3</sup>/ha.

*Kỹ thuật và thiết bị áp dụng là cưa xăng và xe vận xuất bánh hơi theo quy định khai thác tác động thấp (RIL)*

### **5. Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ**

Áp dụng theo Quy phạm 14-92 theo Quyết định 200-QĐ-KT ngày 31/3/1993 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn ban hành về các giải pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng sản xuất gỗ và tre nứa

#### **5.1. Khai thác lồ ô**

\* *Cường độ khai thác:* Đối với rừng sản xuất tối đa là 70% số cây, bụi; đối với rừng phòng hộ tối đa là 30% số cây, bụi.

Đối tượng khai thác là rừng Hổn giao lồ ô tre nứa với cây gỗ (HG2), mật độ lồ ô trung bình hiện tại 4.300 cây/ha. Dự kiến khai thác khoảng 1.000 cây/ha, trung bình mỗi năm khai thác khoảng 100 ha. *Kỹ thuật khai thác là chặt chọn bằng tay đều trên*

diện tích có cây Lô ô, tuân thủ theo quy định quy phạm kỹ thuật khai thác tre nứa của Bộ NN&PTNT.

## **5.2. Khai thác nhựa thông (đự kiến khi được UBND tỉnh cho phép)**

- Đối tượng đưa vào khai thác nhựa thông là rừng trồng Thông 3 lá đạt tiêu chuẩn khai thác theo quyết định số 37/QĐ/KTh ngày 12/1/1982 của Bộ Lâm nghiệp nay là Bộ NN và PTNT, cấp kính đạt từ 20 cm trở lên.

- Phương thức khai thác: Chích diệt trước khi khai thác trắng thủ công theo quy định kỹ thuật của Bộ NN&PTNT.

## **6. Kế hoạch trồng rừng:**

### **6.1. Đối tượng: Trồng lại rừng sau khai thác trắng rừng trồng.**

a. *Đối tượng:* Trồng lại rừng sau khai thác trắng rừng trồng.

b. *Quy mô diện tích, vị trí và khối lượng thực hiện*

Trên cơ sở chu kỳ kinh doanh rừng trồng, trồng rừng áp dụng sau khai thác, vì vậy kế hoạch trồng rừng phải gắn liền với kế hoạch khai thác. Tổng diện tích trồng cả chu kỳ (35 năm) là 1.473,47 , bình quân 42,12 ha/năm.

c. *Giải pháp thực hiện:*

\* *Loài cây trồng:* Thông 3 lá (*Pinus kesiya*) chu kỳ 35 năm. Rừng được trồng trên diện tích khai thác trắng rừng trồng.

\* *Loài cây, phương thức, mật độ trồng rừng:*

- Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

- Mật độ trồng: rừng trồng Thông 3 lá 3.330 cây/ha (hàng cách hàng 3,0 mét; cây cách cây 1,0 mét).

- Thời vụ trồng: Từ tháng 6 đến 30 tháng 8, trồng vào những ngày râm mát, có mưa, đất có đủ độ ẩm.

\* *Biện pháp kỹ thuật trồng rừng:* Xử lý thực bì thủ công và đốt có kiểm soát  
*Làm đất:*

+ *Đào hố thủ công:*.

\* *Chăm sóc rừng trồng:* Rừng trồng được chăm sóc trong 04 năm (Đối với rừng trồng Thông 3 lá).

### **6.2. Đối tượng: Trồng thử nghiệm Thông Caribê ((*Pinus Caribaea* Morelet)**

a.. *Quy mô diện tích, vị trí và khối lượng thực hiện*

Diện tích 2,07 ha thuộc lô c1, khoảnh 7, TK 449 và lô b1, khoảnh 5, tiểu khu 411 thuộc xã B' Lá , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Nguồn vốn: Theo đề tài nghiên cứu đánh giá tình hình sinh trưởng các mô hình thử nghiệm Thông Caribê ((*Pinus Caribaea* Morelet) do Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên làm chủ đề tài

b. *Giải pháp thực hiện:*

\* *Loài cây, phương thức, mật độ trồng rừng:*

- Phương thức trồng: Trồng thuần loài.

-Loại cây trồng: Thông Caribê (*Pinus Caribaea* Morelet)

- Mật độ trồng:

+ Mật độ: 2.500 cây/ha. Cự ly hàng 2 mét, cự ly cây 2 mét;

+ Mật độ: 1.660 cây/ha. Cự ly hàng 3 mét, cự ly cây 2 mét;

\* *Biện pháp kỹ thuật trồng rừng*



- *Xử lý thực bì thủ công ( Tương tự như Thông 3 lá)*

- *Chăm sóc rừng trồng: Rừng trồng Thông Caribê được chăm sóc trong 03 năm*

\* *Nuôi dưỡng rừng:*

- Trong luân kỳ tiến hành chặt nuôi dưỡng 3 lần để điều chỉnh mật độ và loại bỏ những cây cong queo sâu bệnh giúp. Mật độ tối ưu cuối chu kỳ khoảng 350 đến 450 cây/ha.

## **7. Chế biến lâm sản**

- Kế hoạch chế biến căn cứ vào sản lượng của kế hoạch khai thác gỗ từ rừng trồng. Toàn bộ sản lượng khai thác gỗ hàng năm gồm:

- Từ rừng trồng Thông: 7.040 m<sup>3</sup>/năm

- Từ rừng trồng Keo: 553 m<sup>3</sup>/năm ( bán gỗ tròn 2016 – 2020)

Tổng cộng cần chế biến khoảng 7.040 m<sup>3</sup> gỗ tròn ra thành phẩm

## **8. Kế hoạch xây dựng bổ sung cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản cho công ty**

- Xây dựng nhà xưởng cưa xẻ, mở rộng xưởng tinh chế, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xưởng tinh chế. Kinh phí dự kiến 14,95 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách và các quỹ đầu tư phát triển của công ty trích từ lợi nhuận sau thuế.

Ngoài ra cần bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn cho người lao động theo Luật lao động của Việt Nam và của ILO. Tất cả các dụng cụ, vật dụng an toàn, bảo hộ lao động cần được đầu tư và bổ sung mới theo định kỳ, đây cũng chính là để đáp ứng yêu cầu trong 10 nguyên tắc của FSC.

## **9. Kế hoạch cung cấp dịch vụ môi trường rừng**

Hiện tại Công ty đang phục vụ cung cấp nước cho Nhà máy thủy điện Đồng Nai III, Đồng nai IV và Nhà máy Thủy điện Đa Mi -Hàm thuận, Nhà máy nước SAWACO với tổng diện tích 17.914,3 ha rừng, bao gồm rừng tự nhiên là rừng phòng hộ, rừng trồng là rừng phòng hộ, rừng tự nhiên là rừng sản xuất và rừng trồng Thông ba lá. Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng Công ty tiến hành giao khoán cho hộ dân bảo vệ rừng là 18.028 ha/năm.

## **10. Kế hoạch lâm nghiệp cộng đồng**

### **10.1. Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập từ rừng, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng**

Hàng năm thực hiện hoạt động lâm nghiệp cộng đồng tạo công ăn việc làm cho tất cả các xã và thị trấn ở xung quang lâm phận của Công ty, cụ thể cho các hoạt động:

+ Giao khoán bảo vệ rừng: 18.027 ha (cho dân tại 03 xã và 01 Thị trấn), trong đó riêng Xã Lộc lâm là 9.618,47 ha

+ Khoán trồng và chăm sóc rừng 30a : 246,31ha/5 năm bình quân trồng lại và chăm sóc năm 1 sau khai thác là 50ha. Diện tích còn lại chưa khai thác là 196,31 sẽ chăm sóc BVR .

+ Cho phép khai thác lâm sản ngoài gỗ có kiểm soát:

### **Kế hoạch giải quyết việc làm hỗ trợ sinh kế cộng đồng trong giai đoạn tới**

Công ty khuyến khích sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ, ưu tiên lao động là người dân địa phương sống gần rừng nhằm giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, giảm áp lực tác động lên rừng tự nhiên góp phần quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên. Bình quân hàng năm Công ty tạo công ăn việc làm ổn định cho 900 hộ nhận khoán là cộng đồng buôn, các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số

- Ngoài ra giao khoán thời vụ là lực lượng lao động tại địa phương và các vùng phụ cận mỗi năm từ 300.000 ngày công lao động, thông qua các công việc trồng, chăm sóc rừng trồng và khai thác lâm sản ngoài gỗ.



- Phối hợp với các ban ngành tăng cường hỗ trợ cho cộng đồng địa phương trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa...

### **10.2. Thực hiện các công trình phúc lợi**

Hàng năm Công ty có chủ trương trích kinh phí từ quỹ phúc lợi của công ty hỗ trợ các địa phương làm các công trình phúc lợi công cộng, hoặc kỹ thuật cho người dân trên địa bàn có rừng. Dự kiến kinh phí hỗ trợ cộng đồng (bằng kỹ thuật, vật tư, tiền mặt): 100.000.000 đồng/năm

## **11. Kế hoạch bảo vệ môi trường và giám sát**

### **\* Giảm thiểu tác động đến người lao động:**

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho người lao động theo đúng qui định của FSC, nhất là đối với lao động trực tiếp trên hiện trường (Theo tiêu chuẩn của ILO).

- Tập huấn kỹ thuật cho người lao động trong từng hoạt động sản xuất lâm nghiệp (Vườn ươm, trồng rừng, chăm sóc, khai thác tác động thấp...), sơ cấp cứu.

- Tăng cường công tác giám sát năng lực nhà thầu về ATVSLĐ, thu nhập/ngày công, phương tiện máy móc thiết bị.

- Trang bị túi cứu thương cho các nhóm lao động thực hiện các hoạt động lâm nghiệp trên hiện trường

- Không được thi công các hoạt động lâm nghiệp trên hiện trường khi thời tiết xấu có mưa to, gió mạnh, sấm chớp...

- Đối với công việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong vườn ươm

### **\* Giảm thiểu rác thải:**

- Trang bị các bao/thùng chứa rác trên các hiện trường đang thi công.

- Tuyên truyền, nhắc nhở lao động, nhà thầu không xả rác bừa bãi nếu tái phạm sẽ có biện pháp xử lý tùy mức độ ( lập biên bản, buộc dừng thi công nếu cần thiết theo quy trình giám sát nhà thầu).

- Tăng cường công tác giám sát tại hiện trường thi công.

- Đối với các bãi rác, hố rác tự phát cần cắm bảng tuyên truyền đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền xử lý rác tiến hành xử lý theo qui định.

- Phối hợp với chính quyền địa phương để thống nhất đề nghị UBND Tỉnh cho quy hoạch thu hồi khối diện tích quản lý của công ty để làm điểm tập kết trung chuyển rác cho các xã có tình trạng xả rác tự phát.

### **\* Giảm thiểu tác động đến môi trường đất.**

- Không khai thác, mở đường ở nơi có độ dốc lớn (>25 độ) dễ dẫn đến xạc lở, xói mòn đất làm ảnh hưởng đến môi trường đất.

- Công việc duy tu bảo dưỡng đường, khai thác rừng cần tiến hành vào mùa khô.

- Đường vận chuyển phải có rãnh biên dẫn nước không để cho nước chảy dọc tuyến đường là nguyên nhân chính gây ra xói mòn đất và phá hỏng đường.

- Giữa đường vận chuyển và suối nước phải có hành lang bảo vệ suối tùy theo mức độ rộng của suối và độ dày thảm thực vật mà có khoảng cách phù hợp.

- Định kỳ chăm sóc bảo dưỡng đường, làm rãnh thoát nước để đường không bị đọng nước gây lầy lội tắc nghẽn giao thông.

- Không được sử dụng các loại hóa chất cấm sử dụng ở Việt Nam và Qui định của FSC.

- Các hoạt động trong quá trình quản lý rừng không được làm thoái hóa đất.

### **\* Giảm thiểu tác động đến thủy văn và chất lượng nước.**

- Bảo vệ rừng tự nhiên hiện có và bảo vệ hành lang sông suối tại các khu rừng của Công ty.

- Bao bì, các tấm nilon, vỏ chai đựng xăng, dầu, rác thải trên đường vận chuyển, chất thải từ các lán trại của công nhân khai thác trong hoạt động khai thác, tận thu gỗ trong nuôi dưỡng rừng trên lô phải thu gom vào một địa điểm nhất định để xử lý (có thể thuê người dân tại địa phương thu gom và hướng dẫn xử lý).

- Các dụng cụ, thiết bị máy móc sử dụng khi chặt hạ, chuẩn bị cho khai thác vận chuyển phải được chăm sóc, bảo dưỡng để luôn luôn có trạng thái kỹ thuật tốt, tránh bị hỏng hóc phải sửa chữa trong rừng làm rò rỉ dầu trong lô rừng cũng như giảm lượng chất thải.

**\* Giảm thiểu tác động đến quần thể động thực vật.**

- Những cây bản địa làm thức ăn cho động vật hoang dã hoặc thuộc loài cây quý hiếm tái sinh trong lô khai thác phải chừa lại không khai thác.

- Công nhân khai thác của Công ty và các nhà thầu cần được đào tạo các kiến thức về khai thác giảm thiểu tác động.

- Phải xác định các khu rừng có giá trị bảo tồn cao trong diện tích rừng của Công ty để tránh không xây dựng đường vận chuyển, bãi gỗ vào các khu vực trên và xây dựng hành lang bảo vệ cách ly giữa khu khai thác và khu rừng có giá trị bảo tồn cao tạo, điều kiện cho động vật hoang dã sinh sống và di chuyển.

- Quản lý, bảo vệ loài Thông tre và quản lý các khu vực HCVF chặt thông qua biện pháp tuần tra bảo vệ và thực thi theo dõi giám sát đa dạng sinh học và HCVF.

**\* Giảm thiểu tác động đến cộng đồng cư dân địa phương.**

- Cần tạo nhiều cơ hội việc làm cho cư dân địa phương từ các hoạt động bảo vệ rừng, khai thác và nuôi dưỡng rừng.

- Trong khai thác cần phải luôn duy trì các dải rừng tự nhiên làm hành lang cách ly giữa khu vực khai thác và các thôn bản có chiều rộng đủ để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, khói bụi ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

- Làm vườn ươm phải cách xa khu dân cư, trường học, trạm y tế nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến người dân khi thực hiện.

- Khoanh nuôi, bảo vệ và không đưa vào sản xuất kinh doanh các khu vực cộng đồng thôn buôn thường hay đi lại thu hái các nguồn thực phẩm tự nhiên từ rừng: Măng, rau rừng, các khu rừng giàng, nghĩa địa cũ...

- Cấm biển báo các khu vực đang thi công các hoạt động lâm nghiệp, các khu rừng HCVF, bãi rác ...

- Tham vấn các cộng đồng địa phương về các hoạt động lâm nghiệp có thể có tác động tích cực (để khuyến khích người dân tham gia) và có thể có tác động tiêu cực (để hạn chế tác động xấu đến môi trường và cộng đồng)

Tất cả các biện pháp giảm thiểu nêu trên đều được đưa vào các quy trình quản lý của công ty và sổ tay quản lý chất lượng, đồng thời buộc nhà thầu thi công các công trình lâm sinh, khai thác đều phải thực hiện tuân thủ theo quy trình kiểm tra và giám sát năng lực nhà thầu.

- Kinh phí giám sát môi trường và xã hội dự kiến là khoảng: 50.000.000 đồng/năm

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Giải pháp về công tác quản lý**

- Bộ máy quản lý được bố trí lại cho hợp lý, đảm bảo thực hiện có hiệu quả vừa làm nhiệm vụ công ích, vừa làm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Phân cấp quản lý rõ ràng, xác định nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng ban, Phân trường, tiểu khu trưởng, phân công công việc phù hợp với yêu cầu sản xuất và trình độ khả năng thực hiện của từng người.

- Xây dựng nội quy, quy chế làm việc linh động phù hợp với đặc thù của nghề rừng... .

- Sắp xếp bộ máy gọn nhẹ, giảm chi phí gián tiếp; đồng thời gắn quyền lợi và trách nhiệm của từng người với nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục xây dựng các quy trình phù hợp với tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và hướng dẫn CBNV trong công ty, người lao động để triển khai thực hiện.

## **2. Giải pháp về quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị**

### **2.1. Đơn vị chủ rừng**

#### *a. Đối với Công ty*

- Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các hộ nhận khoán thực hiện tốt nhiệm vụ BVR theo hợp đồng khoán;

- Tổ chức kiểm tra định kỳ hàng quý, nghiệm thu năm để đánh giá kết quả thực hiện công việc BVR của các hộ nhận khoán. Yêu cầu các hộ nhận khoán sửa chữa những sai sót trong công tác BVR;

- Phối hợp với Quỹ BV&PTR tổ chức phúc tra kiểm tra quý và phúc tra nghiệm thu năm làm cơ sở để tạm ứng, thanh toán kinh phí chi trả DVMTR;

....

#### *b. Đối với Phân trường và tiểu khu trưởng*

- Phối hợp chặt chẽ với các Thôn trưởng, Buôn trưởng, Chính quyền địa phương, Ban lâm nghiệp xã trong việc vận động Nhân dân tham gia quản lý và bảo vệ rừng. Tiểu khu trưởng được phân công phụ trách các Buôn, tổ, hộ nhận khoán phải hướng dẫn các buôn, tổ, hộ lập lịch tuần tra và kiểm tra cách ghi chép cập nhật sổ nhật ký tuần tra thường xuyên mỗi tuần 01 lần để kịp thời hướng dẫn họ cách phân công và cập nhật vào sổ tuần tra của Buôn, tổ, hộ. Kết quả ghi chép sổ tuần tra của các buôn, tổ, hộ phải ký xác nhận vào sổ theo đúng quy định.

- Tiểu khu trưởng phải trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật tuần tra và phối hợp tuần tra, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm khi các hộ nhận khoán phản ánh. Phối hợp với Công ty và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra định kỳ hàng quý, nghiệm thu năm để đánh giá kết quả thực hiện công việc BVR của các hộ nhận khoán để là cơ sở chi trả tiền công BVR cho các hộ nhận khoán...

### **2.2. Các hộ nhận khoán BVR**

#### *a. Đối với các hộ, buôn nhận khoán*

- Phải đảm bảo rừng được bảo vệ về số lượng và chất lượng theo hợp đồng khoán. Phải thực hiện các công việc bảo vệ rừng và đất rừng như sau, trông coi bảo vệ rừng, phòng chống chữa cháy rừng, giữ nguyên hiện trạng rừng và đất rừng để rừng ngày càng phát triển tốt hơn, phải phân công trực canh lửa hàng ngày vào giờ cao điểm; tiến hành chữa cháy khi xảy ra cháy rừng ở khu vực nhận khoán và hỗ trợ các hộ nhận khoán khác chữa cháy theo sự huy động của đơn vị chủ rừng.

+ Ghi nhật ký tuần tra rừng và trực PCCCR vào sổ giao khoán BVR làm cơ sở để bình xét thanh toán tiền khoán BVR.....

+ Tuân thủ Luật bảo vệ và phát triển rừng, các quy định trong bản quy chế quản lý 3 loại rừng.

+ Chịu sự hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị chủ rừng và Quỹ BV&PTR tỉnh Lâm Đồng.....

*b. Đối với các tổ tuần tra QLBR tại lòng hồ thủy điện Đồng Nai 3&4*

Công ty đã thống nhất với UBND xã Lộc Lâm, thôn trưởng, buôn trưởng thành lập 02 tổ tuần tra QLBR với số lượng 04 người/tổ, hoạt động của tổ tuần tra trực tiếp theo sự chỉ đạo điều hành của 2 phân trường Lộc Lâm và Lộc Phú. Khi cần thiết về lực lượng thì 02 phân trường có trách nhiệm điều động phối hợp cùng nhau tổ chức truy quét khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, các hoạt động phá rừng làm nương rẫy từ Di Linh, Đắc Nông qua. Tổ trưởng phải phối hợp với cán bộ tiểu khu, phân trường lập lịch phân công tuần tra để đảm bảo....

+ Tuân thủ Luật bảo vệ và phát triển rừng, các quy định trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng.

+ Bị khấu trừ tiền công trên diện tích nhận khoán nếu để xảy ra vi phạm mà không phát hiện báo cáo kịp thời theo quy định.

+ Chịu sự hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu của đơn vị chủ rừng và Quỹ BV&PTR tỉnh Lâm Đồng.

**2.3. Đối với chính quyền địa phương**

- Chính quyền địa phương, Ban Lâm nghiệp xã thực hiện trách nhiệm của mình trong việc ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật QLBR và vi phạm thôn ước của Xã. tuyên truyền phổ biến cho bà con hiểu biết và chấp hành tốt Luật QLBR & Phát triển rừng.

Buộc các hộ, Buôn vi phạm phải trồng trả lại rừng và chăm sóc 4 năm diện tích rừng trồng trả bằng tiền khoán QLBR.

**3. Giải pháp về khoa học công nghệ**

- Bố trí nâng cấp, mua sắm máy móc trang thiết bị và xây dựng mới các Trạm quản lý bảo vệ rừng ở những vùng trọng điểm có nguy cơ bị xâm hại cao, xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của quá trình sản xuất kinh doanh;

- Đầu tư nghiên cứu biện pháp phòng chống cháy rừng và sâu bệnh hại, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật về lâm nghiệp vào sản xuất kinh doanh đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng, quản lý đất đai

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất ván ghép thanh, nhằm mở rộng sản xuất, sử dụng trang thiết bị phù hợp, đồng bộ về công suất trong hoạt động chế biến gỗ;

**4. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực**

Công ty sẽ tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo trên cơ sở đó xây dựng chương trình đào tạo và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Để đáp ứng yêu cầu về cán bộ phục vụ cho việc phát triển quản lý rừng bền vững, Công ty cần có chương trình, kế hoạch tập huấn cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực gồm nội dung sau:

Trước hết Công ty phải có kế hoạch đào tạo và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực hiện có. Từng bước đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ quản lý cán bộ. Thường xuyên liên hệ với các trường để gửi cán bộ đi đào hoặc tuyển chọn những sinh viên giỏi ra trường về phục vụ cho Công ty, bình quân 2-3 người/năm.

Mở các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng các mô hình trình diễn, cung cấp sách báo tài liệu hướng dẫn, tổ chức tham quan học tập....

**5. Giải pháp về tài chính và tín dụng**

- Công ty cần tận dụng triệt để lợi thế hiện có của mình về tiềm lực tài chính, các nguồn vốn từ việc bán sản phẩm gỗ rừng trồng đã trồng các năm trước và những năm tiếp theo để đưa vào khai thác nhằm tạo nguồn vốn ban đầu để tái trồng rừng và bổ sung vốn cho các hoạt động của Công ty theo phương án đã được lập.

- Huy động vốn từ các thành phần kinh tế cùng tham gia phương án của Công ty. Cụ thể:

+ Từ hiệu quả của sản xuất kinh doanh, phải đầu tư trở lại cho người dân sống trong vùng dự án...

## V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

### 1. Hiệu quả kinh tế

Căn cứ diện tích, sản lượng, kế hoạch khai thác, giá nguyên liệu, giá bán sản phẩm chế biến tại thời điểm xây dựng phương án; Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng năm, giai đoạn 5 năm và cả luân kỳ.

- Dự kiến tổng doanh thu khi triển khai phương án: 1.338.570.477.000 đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư khi triển khai phương án: 1.073.105.370.000 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 265.465.107.000 đồng (trung bình 7,584 tỷ đồng/năm)

**Do việc định giá tài sản của Công ty trong năm 2018 theo quy định của tỉnh và thay đổi đơn giá đầu tư công trình lâm sinh, giao khoán dịch vụ môi trường rừng...áp dụng từ năm 2018 có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh tế của phương án, do vậy Công ty cập nhật điều chỉnh lại các chỉ tiêu như sau:**

- Dự kiến tổng doanh thu khi triển khai phương án: 1.404.536.433.000 đồng.

- Nhu cầu vốn đầu tư khi triển khai phương án: 1.288.958.251.000 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 115.578.182.000 đồng (trung bình 3,302 tỷ đồng/năm)

### 2. Hiệu quả xã hội - môi trường

#### 2.1. Về xã hội:

Tạo việc làm hàng năm cho hơn 1.000 người dân sống gần rừng, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động địa phương thông qua việc đầu tư liên kết trồng rừng, giao khoán QLBRV, chăm sóc rừng trồng.

Giải quyết nhu cầu cơ bản về đất sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp trên địa bàn từ việc rà soát lại đất đai của đơn vị và sắp xếp lại tổ chức sản xuất, tham mưu và đề xuất với UBND huyện tiến hành cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người dân để họ yên tâm canh tác và đầu tư thâm canh trên mảnh đất của mình, hạn chế phát rừng mới làm nương rẫy.

#### 2.2. Về môi trường:

- Bảo vệ bằng được diện tích rừng hiện có, đưa các loại đất vào sử dụng có hiệu quả, bảo vệ và phát huy chức năng phòng hộ của rừng, giữ độ che phủ rừng cao góp phần cải tạo khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, chống xói mòn.

- Bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ các loài cây, các động vật quý hiếm hiện có trong lâm phần cũng như các vùng lân cận.

## VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Phương án quản lý rừng của Công ty Lâm nghiệp Bảo Lâm được xây dựng trên cơ sở những chủ trương chính sách của nhà nước và điều kiện thực tế của Công ty Lâm nghiệp về đất rừng, tài nguyên rừng được nhà nước giao cho, đồng thời được sự

quan tâm hỗ trợ của các ngành các cấp đã giúp cho việc xây dựng hoàn thành phương án.

Thông qua việc thực hiện phương án sẽ góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tạo ra nhiều cửa cải vật chất, sản phẩm cho xã hội, góp phần cải thiện môi trường, tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương

## **2. Một số kiến nghị**

Để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm, kiến nghị:

- Nguồn huy động vốn để thực hiện phương án được cân đối từ tổng các hoạt động khai thác rừng, chế biến lâm sản, dịch vụ môi trường, kinh phí nhà nước đặt hàng công ích... và các nguồn quỹ của đơn vị, do vậy các hoạt động này phải được duy trì ổn định hàng năm theo kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt để phương án quản lý rừng bền vững có thể thực hiện được.

- Được chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả về doanh thu, thu nộp ngân sách, lợi nhuận hàng năm cao hơn năm trước, thu nhập cho người lao động được ổn định và ngày càng được nâng cao hơn

- Được tự chủ và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, chủ động điều chỉnh quy mô sản xuất, lựa chọn hình thức hợp tác kinh doanh có hiệu quả cao hơn khi được cấp chứng chỉ FSC, trong đó có việc hợp tác với các đơn vị đã hoặc đang trong quá trình xây dựng chứng chỉ CoC để tạo ra chuỗi hành trình sản phẩm khép kín. Mục đích của chuỗi hành trình sản phẩm FSC- CoC là nhằm cung cấp các chứng cứ xác thực về việc sản phẩm gỗ được chứng nhận đã sản xuất từ các nguồn nguyên liệu được chứng nhận.

- Tiếp tục hỗ trợ Công ty trong thời gian tới để xây dựng chứng chỉ Coc.

- Cho phép Công ty được tự tổ chức thiết kế và khai thác nhựa thông hàng năm đối với diện tích rừng trồng trước khi khai thác trồng từ 3 – 5 năm.

- Cho phép Công ty thực hiện cơ chế hỗ trợ gỗ cho cộng đồng thôn buôn 04 xã, 01 thị trấn có liên quan đến diện tích rừng của Công ty để sửa chữa trụ sở UBND xã, trường học, nhà văn hóa xã, trạm y tế, nhà trẻ.. Dự kiến hàng năm hỗ trợ từ 30 – 40 m<sup>3</sup> gỗ tròn . Số gỗ này cũng bao gồm hỗ trợ cho các hộ nghèo sửa chữa nhà ở và đề nghị được đưa vào chi phí hoạt động hàng năm của công ty.

- Đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng có những biện pháp để hạn chế hoặc chấm dứt tình trạng di dân tự do, xâm lấn đất rừng. Nhà nước cần có chính sách về đất đai để người dân có đủ đất sản xuất để ổn định đời sống dân di cư tự do và một bộ phận dân sống gần rừng nhằm giảm áp lực đối với rừng. Quy hoạch các khu dân cư nhằm ổn định đời sống cho dân di cư tự do.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bảo Lâm kính đề nghị UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng thẩm định và phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững của Công ty để triển khai thực hiện trong năm 2019./.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

## **Chương 1**

### **I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **1. Các văn bản Trung ương( Trang 4)**

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH, ngày 15/11/2017

- Luật bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11, ngày 03/12/2004;

#### **2. Các văn bản địa phương ( Trang 4)**

...

- Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND Tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt giá trị tài sản để thực hiện giao vốn cho Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bảo Lâm;

.....

## **Chương 2**

### **ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP BẢO LÂM**

### **III. ĐA DẠNG SINH HỌC**

.....

#### **1.2. Rừng trồng ( Trang 8)**

....

Trong năm 2018 đã trồng thử nghiệm 2,07ha Thông Caribê mục tiêu đa dạng hóa loài cây trồng trên diện tích rừng trồng, lựa chọn loài cây trồng sinh trưởng nhanh, chu kỳ kinh doanh ngắn, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu rủi ro tiềm tàng do biến đổi khí hậu, tránh phụ thuộc vào một loại lâm sản rừng trồng duy nhất.

### **VII. TÀI NGUYÊN RỪNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẢO LÂM**

#### **3. Đặc điểm và sự phân bố các trạng thái rừng**

##### **3.2. Rừng trồng (Trang 10)**

.....

Diện tích rừng trồng đã được cấp chứng chỉ trong năm 2018 là 1.947,99ha, Công ty đăng ký bổ sung xin cấp chứng chỉ diện tích 76,09ha rừng trồng trên đối tượng rừng phòng hộ trong năm 2019

## **Chương 3**

### **III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG BỀN VỮNG**

....

#### **6. Kế hoạch trồng rừng: ( Trang 15)**

**6.1. Đối tượng: Trồng lại rừng sau khai thác trắng rừng trồng.**

**6.2. Đối tượng: Trồng thử nghiệm Thông Caribê ((Pinus Caribaea Morelet)**

*a.. Quy mô diện tích, vị trí và khối lượng thực hiện*

Diện tích 2,07 ha thuộc lô c1, khoảnh 7, TK 449 và lô b1, khoảnh 5, tiểu khu 411 thuộc xã B' Lá , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Nguồn vốn: Theo đề tài nghiên cứu đánh giá tình hình sinh trưởng các mô hình thử nghiệm Thông Caribê ((*Pinus Caribaea Morelet*) do Viện Khoa học lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên làm chủ đề tài

b. Giải pháp thực hiện:

\* Loài cây, phương thức, mật độ trồng rừng:

- Phương thức trồng: Trồng thuần loài.
- Loại cây trồng: Thông Caribê (*Pinus Caribaea Morelet*)
- Mật độ trồng:

+ Mật độ: 2.500 cây/ha. Cự ly hàng 2 mét, cự ly cây 2 mét;

+ Mật độ: 1.660 cây/ha. Cự ly hàng 3 mét, cự ly cây 2 mét;

\* Biện pháp kỹ thuật trồng rừng

- Xử lý thực bì thủ công ( Tương tự như Thông 3 lá)

- Chăm sóc rừng trồng: Rừng trồng Thông Caribê được chăm sóc trong 03 năm

## V. HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

### 1. Hiệu quả kinh tế ( Trang 21)

.....

Do việc định giá tài sản của Công ty trong năm 2018 theo quy định của tỉnh và thay đổi đơn giá đầu tư công trình lâm sinh, giao khoán dịch vụ môi trường rừng..áp dụng từ năm 2018 có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh tế của phương án, do vậy Công ty cập nhật điều chỉnh lại các chỉ tiêu như sau:

- Dự kiến tổng doanh thu khi triển khai phương án: 1.404.536.433.000 đồng.
- Nhu cầu vốn đầu tư khi triển khai phương án: 1.288.958.251.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 115.578.182.000 đồng (trung bình 3,302 tỷ đồng/năm)